

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ TƯ DUY CỦA NGƯỜI VIỆT VỀ TƯ THẾ (QUA NHÓM TỪ *ĐỨNG, NGỒI, NẪM, QUỖY*)

TRIỆU THU DUYÊN*

TÓM TẮT: Ngôn ngữ và văn hóa có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong quá trình nghiên cứu về nhóm từ chỉ tư thế trong tiếng Việt (*đứng, ngồi, nằm, quỳ*), chúng tôi nhận thấy ngôn ngữ phản ánh nét văn hóa, cách suy nghĩ và nhận thức của người Việt về tư thế con người. Bài viết đưa ra một vài nhận xét về tư duy của người Việt về tư thế (qua nhóm từ *đứng, ngồi, nằm, quỳ*), mối liên hệ giữa tư thế với không gian, với đặc trưng văn hóa dân tộc. Kết quả nghiên cứu của bài viết nhằm đưa ra một cái nhìn khái quát và toàn diện hơn về nhóm từ chỉ tư thế nói chung và mối tương quan với văn hóa và thói quen tư duy ngôn ngữ của cộng đồng người Việt.

TỪ KHÓA: đứng; ngồi; nằm; quỳ; tư duy của người Việt; từ chỉ tư thế trong tiếng Việt.

NHẬN BÀI: 09/09/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 08/01/2025

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là tấm gương phản chiếu tư duy và văn hóa của một cộng đồng. Trong tiếng Việt, nhóm từ chỉ tư thế (*đứng, ngồi, nằm, quỳ*) không chỉ thể hiện hành động cụ thể mà còn mang những giá trị văn hóa, xã hội. Nhóm từ này được sử dụng phổ biến trong giao tiếp hàng ngày, trong văn học và ngay cả trong những nghi lễ truyền thống. Điều đó thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa tư duy con người và các giá trị văn hóa truyền thống của người Việt.

Tư thế không chỉ là trạng thái của cơ thể trong không gian mà còn được người Việt nhận thức như một biểu hiện của phẩm giá, vị thế xã hội và mối quan hệ giữa con người với môi trường xung quanh. Qua cách sử dụng nhóm từ này, người Việt không chỉ diễn đạt các trạng thái vật lý mà còn thể hiện thái độ, đạo đức và các giá trị văn hóa cốt lõi cũng như tư duy đặc thù của mình.

Thông qua việc nghiên cứu về nhóm từ chỉ tư thế trong tiếng Việt (*đứng, nằm, ngồi, quỳ*), chúng tôi tập trung làm rõ hơn nhận thức của người Việt về tư thế con người trong mối quan hệ với không gian và các đặc trưng văn hóa, đồng thời góp phần xây dựng một bức tranh đầy đủ hơn về nhóm từ chỉ tư thế thông qua lăng kính ngôn ngữ và văn hóa dân tộc.

2. Nội dung

2.1. Nhóm từ chỉ tư thế (*đứng, ngồi, nằm, quỳ*) trong tiếng Việt và một số quan niệm của người Việt về tư thế

2.1.1. Khái quát về nhóm từ chỉ tư thế trong tiếng Việt (*đứng, ngồi, nằm, quỳ*)

Như chúng ta đã biết, để biểu thị các tư thế cơ bản của con người, trong tiếng Việt có các từ sau: *đứng, ngồi, nằm, quỳ*. Theo Từ điển tiếng Việt, các từ này có những ý nghĩa cơ bản sau:

Đứng chỉ “tư thế thân thẳng, chỉ có chân đặt trên mặt nền, chống đỡ cả toàn thân, phân biệt với nằm, ngồi”. (*Đứng lên, ngồi xuống/ Đứng gác/ Đứng xếp hàng*); “Ở một vị trí nào đó” (*Người đứng đầu nhà nước./ Đứng về một phe./ Thái độ đứng trước cái sống, cái chết./ Đứng trên đỉnh vinh quang*); “Tự đặt mình vào vị trí, nhận lấy một trách nhiệm nào đó” (*Đứng ra đảm nhận một vụ xung đột./ Đứng ra bảo lãnh cho được tạm tha.*); “Ở vào trạng thái ngừng chuyển động, phát triển” (*Đang đi đứng lại./ Đồng hồ đứng./ Trời đứng gió.*); “Tồn tại, không bị đổ” thường dùng với nghĩa bóng. (*Quan điểm đó đứng vững được*); Dùng trước “máy” chỉ sự “điều khiển ở tư thế đứng” (*Công nhân đứng máy, đứng một lúc 5 máy.*) [Hoàng Phê (chủ biên), 2002, Từ điển tiếng Việt, tr.355].

Từ *ngồi* chỉ tư thế ở “trên mặt nền hoặc chân gập lại để đỡ toàn thân”, và tư thế này “phân biệt với đứng và nằm”. (*Ngồi xuống cho đỡ mỏi chân./ Hết nằm lại ngồi./ Ngồi xổm*); Ở vào một vị trí nào đó

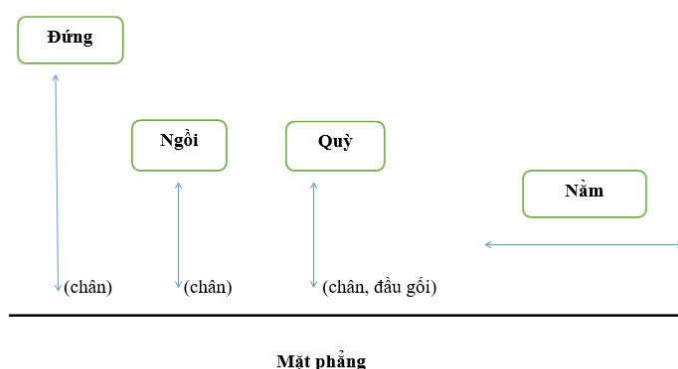
*Trường Đại học Hà Nội; Email: duyentt@hanu.edu.vn

trong thời gian tương đối lâu để làm việc gì. (*Học kém phải ngồi lại lớp*). [Hoàng Phê (chủ biên), 2002, Từ điển tiếng Việt, tr.688].

Từ *nằm* có mang các ý nghĩa cơ bản như: Tư thế “ngả thân mình trên một vật nào đó, thường để nghỉ.” (*Nằm nghỉ. Canh một chưa nằm/ Canh năm đã dậy.* (Tục ngữ)); “Ở một nơi nào đó, không đi ra khỏi trong một thời gian nhiều ngày trở lên và do một yêu cầu nhất định”. (*Nằm bệnh viện./ Cả tuần lễ nằm nhà*); “Được đặt để yên một chỗ trên một vật nào đó, với diện tiếp xúc tối đa.” (*Gỗ nằm la liệt ngoài sân. Chiếc va li để nằm trên bàn. Đặt nằm cái thang xuống.*)/ “Trải ra ở trên một diện rộng tại một vùng nào đó.” (*Làng nằm ven sông*) [Hoàng Phê (chủ biên), 2002, Từ điển tiếng Việt, tr.660].

Ý nghĩa khái quát của từ “quỳ” với tư cách là động từ chỉ “tư thế gập đầu gối và đặt sát mặt nền để đỡ toàn thân.” (*Quỳ bần./ Quỳ xuống lạy*) [Hoàng Phê (chủ biên), 2002, Từ điển tiếng Việt, tr.813].

Như vậy, ý nghĩa từ vựng của các từ này biểu thị tư thế cụ thể của con người trong không gian. Trong đó, *đứng* là tư thế của người thẳng đứng và vuông góc với mặt phẳng ngang. *Ngồi* và *quỳ* là tư thế vuông góc với mặt phẳng ngang. Tuy nhiên, điểm tiếp giáp của tư thế với mặt phẳng có sự khác nhau. *Ngồi* có điểm tiếp giáp với mặt đất là chân, còn *quỳ* có điểm tiếp giáp là cả chân và đầu gối. *Nằm* biểu thị tư thế song song và toàn bộ cơ thể tiếp xúc với mặt phẳng ngang. Có thể minh họa điều này bằng hình ảnh sau:



Hình 1. Tư thế của con người trong không gian.

Quan sát hình minh họa, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy vị trí của các tư thế trong không gian. Trong đó, *đứng* là tư thế ở vị trí cao nhất, *nằm* là tư thế ở vị trí thấp nhất trong không gian. Tư thế của con người thường di chuyển, thay đổi theo chiều hướng từ vị trí cao hơn đến tư thế vị trí thấp hơn, theo thứ tự lần lượt. Chẳng hạn, *đứng* -> *ngồi/ quỳ* -> *nằm*, và ngược lại. Theo quan sát của chúng tôi, không tồn tại trường hợp *đứng* -> *nằm*, mà sự thay đổi tư thế này cần trải qua một tư thế trung gian khác là *ngồi* hoặc *quỳ*. Việc hình thành các tư thế này sẽ là điểm quy chiếu của con người trong không gian cũng đồng thời là “điểm quy chiếu” gắn với lối tư duy và nhận thức của con người về thế giới xung quanh.

Từ những nét đặc trưng cơ bản trên, đặt trong mối tương quan giữa ngôn ngữ và văn hóa, chúng tôi nhận thấy các từ chỉ tư thế (*đứng, nằm, ngồi, quỳ*) có sự vận động, tương tác trong môi trường giao tiếp và trong quá trình sử dụng, đồng thời cũng phản ánh những đặc trưng và mối quan hệ giữa ngôn ngữ với văn hóa, lối tư duy của người Việt.

2.1.1. Một số quan niệm của người Việt về tư thế

Quan niệm về tư thế của người Việt phản ánh nhiều giá trị văn hóa, xã hội và tôn giáo. Những quan niệm này không chỉ được thể hiện qua ngôn ngữ mà còn qua việc thực hiện các hành động hay lựa chọn tư thế phù hợp trong từng tình huống, qua đó biểu đạt suy nghĩ và nhận thức của con người. Chúng tôi xin khái quát một số quan niệm của người Việt về tư thế như sau:

Thứ nhất, tư thế trong quan niệm của người Việt không chỉ là trạng thái vật lí mà còn mang tính biểu tượng, phản ánh phẩm chất và giá trị con người. Ví dụ, tư thế "đứng" thường được gắn với sự kiên định, vững vàng và lòng tự trọng. Tư thế này cũng được liên kết với các ý niệm về sự chủ động và độc lập trong tư duy. Về tư thế "ngồi", theo tác giả Trần Ngọc Thêm, "*Các cứ liệu ngôn ngữ cho thấy, với người Việt, ngồi là biểu tượng của sự sung sướng, nhàn rỗi (tục ngữ: Ngồi mát ăn bát vàng). "Văn hóa ngồi" Việt Nam bộc lộ rõ tính cộng đồng thể hiện qua việc trong tiếng Việt, "ngồi" thường gắn liền với "ăn" (tục ngữ: Ăn trông nồi, ngồi trông hướng). Qua các cứ liệu ngôn ngữ, "văn hóa ngồi" Việt Nam còn bộc lộ rõ cả một số đặc trưng khác như tính linh hoạt; tính vừa phải; tính thân thiện, cởi mở, hay nói hay cười, hay quan tâm đến người khác ..."* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Việt Nam học: Những phương diện văn hóa truyền thống"; Nxb Khoa học xã hội, tr.1183-1190).

Thứ hai, tư thế thể hiện mối quan hệ xã hội và vai trò trong cộng đồng. Chẳng hạn, tư thế "ngồi", có thể biểu đạt địa vị hoặc thứ bậc xã hội. Cụm từ "ngồi đúng chỗ" nhấn mạnh sự phù hợp với vai trò và vị trí của một cá nhân trong các mối quan hệ xã hội. Ngược lại, tư thế "quỳ" thường mang ý nghĩa tôn kính, khiêm nhường, đặc biệt trong các nghi thức tôn giáo hoặc các tình huống thể hiện lòng biết ơn, sự hối lỗi. Bên cạnh đó, hành động "quỳ lạy" không chỉ là tư thế đơn thuần mà còn là biểu tượng của sự kính trọng và thái độ đối với tâm linh, tín ngưỡng trong văn hóa dân tộc.

Thứ ba, tư thế trong văn hóa Việt Nam gắn chặt với các giá trị của tôn giáo, đặc biệt là tôn ti trật tự và lễ nghĩa, kính trên nhường dưới. Trong bối cảnh giao tiếp, tư thế luôn được điều chỉnh để phù hợp với không gian văn hóa và tình huống cụ thể. Ví dụ, tư thế cúi đầu khi gặp người lớn tuổi thể hiện sự kính trọng; trong khi ngồi thì nghiêm túc, ngồi thẳng lưng trước người lớn tuổi, trường lão cho thấy sự tôn trọng và lễ phép.

Như vậy, quan niệm của người Việt về tư thế không đơn thuần chỉ dừng lại ở việc miêu tả trạng thái cơ thể mà còn là cách thể hiện tư duy, phẩm chất, và sự tương tác xã hội trong bối cảnh văn hóa. Tư thế là một phần không thể thiếu trong cách người Việt hiểu và thực hành các giá trị truyền thống của mình.

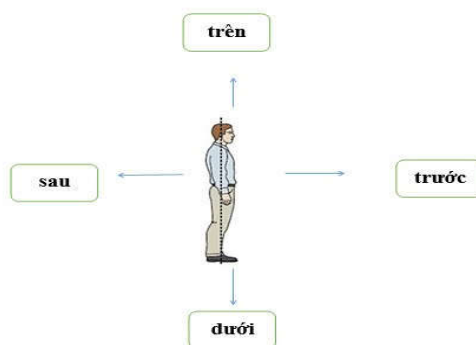
2.2. Tư duy của người Việt về tư thế con người (qua nghiên cứu nhóm từ đứng, ngồi, nằm, quỳ trong tiếng Việt)

Trong quá trình nghiên cứu về nhóm từ chỉ tư thế trong tiếng Việt (*đứng, ngồi, nằm, quỳ*), chúng tôi đã tìm hiểu và lí giải một số đặc điểm tư duy của người Việt về tư thế trên cơ sở mối tương quan với văn hóa và thói quen tư duy ngôn ngữ của cộng đồng người Việt. Chúng tôi khái quát một số đặc điểm như sau: *thứ nhất*, tư thế con người là phương tiện định vị không gian; *thứ hai*, tư thế biểu hiện đặc trưng văn hóa; *thứ ba*, tư thế biểu hiện tính cách con người.

2.2.1. Tư thế con người là phương tiện định vị trong không gian

Thế giới con người đang sinh sống và tồn tại vốn rất đa dạng và phong phú. Để định vị không gian sống đó, cần rất nhiều yếu tố: hình dạng, kích cỡ, khoảng cách, địa điểm, nơi chốn, phương hướng, chiều không gian,... Trong đó, tư thế con người trong không gian là một yếu tố góp phần định vị không gian.

Trước tiên, tư thế con người góp phần định vị không gian. Con người có nhiều tư thế khác nhau, tuy nhiên, tư thế *đứng thẳng* là điểm xuất phát của hệ tọa độ không gian mà con người sử dụng để định vị và định hướng không gian. Với ba chiều hướng không gian *trước - sau, trên - dưới và phải - trái*, tư thế của con người trở thành trung tâm. Xoay xung quanh tư thế cơ bản đó, con người dần dần định vị được các hướng khác nhau. Chúng tôi xin minh họa bằng hình ảnh cụ thể sau:



Hình 2. Tư thế con người định hướng không gian

Như vậy, trong hệ tọa độ không gian, con người là gốc tọa độ. Trong đó tư thế *đứng thẳng* là chuẩn mực. Xuất phát từ tư thế này, con người dần định vị các vị trí như *trên trời*, *dưới đất*, *trên đầu*, *dưới chân*, *trước mặt*, *sau lưng*, *bên trái*, *bên phải*... Hướng từ trên xuống dưới gắn với hướng từ đầu xuống chân, tương ứng với hướng trọng lực của trái đất.

Ví dụ:

(1) - Em **đứng** chỗ này được chưa?

- Ồ, mày **đứng** đó đi. Tao **đứng** ở đây. Bắt đầu ném nha, nhìn lên trên trời cho kĩ nha.

[Nguyễn Nhật Ánh (2015), Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh; tr.6]

Trong ví dụ trên, tư thế đứng của người nói trở thành điểm xác định trong không gian. Từ vị trí này, nhân vật thực hiện ném một vật gì đó “lên trên trời” - hướng không gian này được định vị từ vị trí và tư thế của người nói là đang ở dưới mặt đất, chiều hướng của hành động là từ dưới thấp lên trên cao. Hơn nữa, từ một vị trí và tư thế cố định sẽ định vị các vị trí và tư thế của người khác hay vật khác trong không gian. Xét ví dụ sau, từ vị trí tư thế *đứng* được tạo lập trong thời điểm nói, sẽ xác định được tư thế của người khác là *đứng* hay *ngồi* trong không gian:

(2) *Kẻ đứng*, người *ngồi*, xúm vòng quanh, nhưng *ngồi* xồm mà thôi, vì hàng nước ấy lại có cái đặc biệt hơn nữa là không có ghế ngồi. [Dương Phong (tuyển chọn), 2012, Thạch Lam tuyển tập, tr.297]

Bên cạnh đó, trong tiếng Việt, có những ngữ liệu thể hiện tư thế ngồi (thẳng lưng) của con người cũng có một vai trò nhất định trong sự tri nhận không gian, tri nhận về sự vật, về con người. Xin dẫn một ví dụ cụ thể:

(3) *Xin là một con bé xinh xắn. Tôi, nó và thằng Sơn con ông Ba Huấn ngồi chung một bàn. Tôi ngồi chính giữa, nó ngồi bên phải, thằng Sơn ngồi bên trái.* [Nguyễn Nhật Ánh, 2015, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh; tr.108]

Tư thế ngồi của nhân vật *tôi* trở thành yếu tố định vị cho những đối tượng khác ở xung quanh nó (*bên phải*), *thằng Sơn* (*bên trái*). Yếu tố ở giữa, ở trung tâm chính là tư thế của con người góp phần định vị cho các yếu tố còn lại.

Thứ hai, các yếu tố trong không gian góp phần định vị tư thế con người một cách cụ thể. Tư thế của con người vốn tách biệt với mặt phẳng, vận động trên mặt phẳng. Trong nhiều trường hợp, các tư thế *ngồi ngoài* - *ngồi trong*, *nằm ngoài* - *nằm trong* cần có một yếu tố xác định vị trí *trong* - *ngoài*. Xét trường hợp *nằm ngoài* và *nằm trong*, có thể nhận thấy rằng, vị trí *nằm* được xác định bởi yếu tố “vị trí gần tường” hơn cả. *Nằm trong* nghĩa là có vị trí gần tường hơn, ngược lại, *nằm ngoài* chỉ vị trí nằm “xa tường” hơn, căn cứ vào vị trí của người nói. Tương tự, vị trí *ngồi trong* và *ngồi ngoài* cũng cần xác định bởi vị trí của người nói và vị trí gần hay xa điểm mốc.

Xét ví dụ cụ thể sau:

(4) - *Thầy chỉ ngồi trong nhà hồi vọng ra thôi.*

- **Ngồi trong** hay **ngồi ngoài** cũng vậy - *Lần này tôi vừa rút cổ vừa rùng mình - Hề nghe giọng thầy cất lên là tao muốn xiêu rồi.* [Nguyễn Nhật Ánh, 2015, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh; tr.106]

(5) - *Tôi không thích **nằm trong**, vừa nóng vừa chật, cho tôi **nằm ngoài** nhé.* [Khâu ngữ]

Trong ví dụ (4) Vị trí ngồi của nhân vật “thầy” sẽ căn cứ theo vị trí hiện tại của người nói. Trong câu “Thầy chỉ ngồi trong nhà hồi vọng ra thôi.”, khi đó, vị trí người nói là đang ở trong nhà. Để xác định “ngồi trong” hay “ngồi ngoài” vị trí của người nói, vị trí gần hay xa điểm mốc là yếu tố quyết định. Trong ví dụ (5), “vị trí gần tường hơn” trở thành điểm mốc xác định vị trí muốn nằm ở đâu của người nói.

(6) *Trong lớp tôi luôn luôn **ngồi ở bàn chót**. Ngồi bàn chót thì tha hồ tán gẫu, cãi cọ, câu véo hay giờ đủ trò nghịch ngợm mà không sợ bị cô giáo phát hiện, nhưng điều hấp dẫn nhất ở vị trí tôi tâm đó là ít khi bị kêu lên bảng trả bài.* [Nguyễn Nhật Ánh, 2013, Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, tr.3].

Trong ví dụ trên, không gian xung quanh góp phần định vị tư thế “ngồi” của nhân vật tôi là vị trí ở bàn cuối cùng (bàn chót) trong lớp. Chính nhờ vị trí “tôi tâm” này mang lại không ít “thuận lợi” cho nhân vật. Như vậy, nhờ các yếu tố trong không gian, người đọc có thể hình dung và xác định được vị trí để trả lời cho câu hỏi vị trí nhân vật “ngồi ở đâu?”.

Như vậy, tư thế con người và sự định vị không gian luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Con người cần một điểm tựa để xác định không gian, đồng thời, không gian cũng là một yếu tố để xác định tư thế, vị trí của con người.

2.2.2. Tư thế biểu hiện đặc trưng văn hóa

Trong quá trình nghiên cứu về các tư thế trong tiếng Việt, chúng tôi tiến hành tìm hiểu và so sánh tư thế của con người đặt trong tương quan văn hóa với các nước. Dưới đây là một số quan sát cụ thể của chúng tôi:

Trước tiên, ở Nhật Bản, các tư thế của con người thể hiện rõ nét đặc trưng văn hóa. Đặc biệt là tư thế “ngồi” và “quỳ”.

Theo quan niệm của người dân đất nước “mặt trời mọc”, tư thế luôn là yếu tố thể hiện rõ nét nhất đặc trưng tính cách của mỗi người. Đây chính là thước đo và chuẩn mực để đánh giá con người. Tư thế “ngồi” cũng là một nghệ thuật ở Nhật Bản. Ngồi đúng tư thế vừa thể hiện sự tôn trọng đối với người khác vừa tạo ra sự ức chế cho bản thân trong khi tư thế phải giữ nguyên và vẫn giữ được sự bình tĩnh. Từ đó, các chuẩn mực về tư thế ngồi cũng được hình thành, đặc biệt là kiểu ngồi truyền thống - kiểu ngồi Seiza. Kiểu ngồi này mang ngụ ý con người sống phải có lễ nghĩa đồng thời luôn biết kiềm chế bản thân trong mọi tình huống. Tư thế này yêu cầu người thực hiện cần có sự luyện tập để tạo tư thế được không chỉ đúng, đẹp, mà còn tạo phong thái cho người ngồi. Tuy nhiên, cái đích cuối cùng của việc rèn luyện tư thế chính là rèn luyện bản thân mỗi người.

Ngày nay, kiểu ngồi quỳ truyền thống tại Nhật vẫn được duy trì trong nhiều gia đình. Trong một số nghi thức cấp cao tại Nhật Bản, thủ tướng Nhật Bản cũng thường xuyên ngồi theo kiểu Seiza để thực hiện nghi thức chứng tỏ tầm quan trọng của Seiza trong văn hóa Nhật Bản. Vì vậy, đối với người dân Nhật Bản nói riêng và bạn bè quốc tế nói chung, tư thế “ngồi” có vai trò rất quan trọng.

Thứ hai, Hàn Quốc là đất nước có nhiều nét tương đồng với Nhật Bản trong quan niệm về tư thế con người. Hàn quốc là một quốc gia rất coi trọng lễ giáo, quỳ lạy là một trong những lễ tiết của người dân Hàn Quốc. Vì vậy, chúng ta thường thấy người dân Hàn Quốc quỳ lễ trước trường bối, tiền bối. Vào các dịp lễ, người dân vẫn còn giữ tập tục quỳ lễ theo truyền thống. Ngay từ khi còn bé, trẻ con Hàn Quốc đã được học cách thực hiện các tư thế lễ nghi theo nghi thức và thường xuyên thực hiện như một thói quen. Trong lễ tốt nghiệp, các sinh viên thường thực hiện nghi thức quỳ lễ một cách trang trọng. Trong đám cưới truyền thống của Hàn Quốc, chú rể và cô dâu thường quỳ lạy trước

bàn lễ, trước cha mẹ để cầu mong hạnh phúc, sức khỏe cho gia đình. Trong nghi lễ kết hôn, người Việt ít khi thực hiện tư thế này.

Thứ ba, so sánh với Nhật Bản, Hàn Quốc, trong quan niệm của người Việt, các tư thế “ngồi” và “quỳ” có sự khác biệt. Ngày xưa, trong thời kì phong kiến, tư thế “quỳ” thể hiện sự tôn kính với vua, quan, hay thể hiện sự khuất phục, chịu nhục. Trong kho tàng ca dao, tục ngữ xưa, có rất nhiều câu biểu hiện quan niệm về tư thế của người Việt, chẳng hạn như:

(7) *Cây ngay không sợ chết **đứng***. (Tục ngữ)

(8) *Chết **đứng** còn hơn sống **quỳ***. (Tục ngữ)

Như vậy, tư thế “đứng” biểu trưng cho sự hiên ngang, bất khuất. Ngược lại, tư thế “quỳ” biểu hiện sự hèn nhát, yếu đuối, sự nhục nhã, dè hèn.

Ngày nay, trong văn hóa Việt Nam, tùy vào mục đích tạo lập tư thế, người Việt thực hiện các tư thế được thiết lập trong một khuôn khổ nhưng không có quá nhiều yêu cầu hay chuẩn mực. Thông thường, tư thế “ngồi” của người Việt Nam thường khá thoải mái như ngồi khoanh chân, ngồi xếp bằng. Người Việt chỉ “quỳ” khi muốn cầu xin hay thể hiện sự tôn kính với các bậc thần thánh, bậc đại sư.

Điểm khác biệt này chính là do sự quan niệm về tư thế trong văn hóa các nước. Trong sự đối sánh này, Nhật Bản và Hàn Quốc thường có những nguyên tắc, chuẩn mực đối với các tư thế trong hoàn cảnh nhất định. Trong khi đó, ở Việt Nam, các tư thế này thường do chính chủ thể quyết định, được hình thành một cách khá thoải mái, tùy ý, ít chịu sự chi phối của các nguyên tắc hay quy định cụ thể nào.

2.2.3. Tư thế biểu hiện tính cách con người

Tư thế của con người được hình thành với một mục đích nhất định, tùy thuộc vào tình huống, hoàn cảnh cụ thể. Chủ thể tư thế mang yếu tố quyết định việc hình thành các tư thế. Chính bởi sự xuất phát từ yếu tố chủ quan đó, người ta có thể nhận thấy được một phần suy nghĩ, tính cách bộc lộ ra bên ngoài thông qua chính tư thế, hành động hay cử chỉ đó.

Người Việt quan niệm rằng thông qua việc quan sát tư thế, cách đi đứng, cách ngồi, cách nói năng... có thể đánh giá về con người. Như vậy, tư thế con người trở thành một trong những tiêu chí, một thước đo những giá trị, phẩm chất con người.

Thứ nhất, quan niệm này được thể hiện rõ nét trong các tác phẩm văn học. Khi khắc họa nhân vật, mỗi tác giả thường đặc tả những chi tiết, hành động, lời nói cụ thể. Trong đó, không thể không kể đến việc đặc tả các chi tiết về tư thế con người.

Khi đọc tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du, người đọc không thể quên được hình ảnh Mã Giám Sinh - một kẻ buôn người “*Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao*”. Tác giả Nguyễn Du đặc tả phẩm chất con người này chỉ với một tư thế:

(9) “*Ghế trên **ngồi tốt** sỗ sàng*”

Động từ tư thế *ngồi* đi với một từ ngữ chỉ tốc độ *tốt*, gọi tả một tư thế vội vàng, nhanh chóng đến mức khiếm nhã. Có lẽ *ngồi tốt* vẫn chưa đủ, tác giả hạ thêm một nét bút *sỗ sàng*. Sự kết hợp thêm một tính từ phía sau khiến tư thế “ngồi” được cụ thể hơn về tính chất. Một cụm động từ chỉ tư thế “*ngồi tốt sỗ sàng*” đã có thể lột tả được hết con người của nhân vật Mã Giám Sinh: khiếm nhã, thiếu lịch sự một cách trắng trợn trong giao tiếp. Cử chỉ ấy không phù hợp với một người đi hỏi vợ và càng không đúng với phẩm chất của một Mã Giám Sinh - một người có học. Mã Giám Sinh đã tự định vị mình trong một không gian trang trọng bằng một tư thế, hành động vô lễ, trịch thượng, coi thường bề trên. Hành động này bộc lộ rõ bản chất của một con người vô học, làm lộ rõ tâm lí hám của cái của một tay buôn người. Chỉ một tư thế, bí mật tính cách con người được lộ rõ.

“*Trao duyên*” là một trong những đoạn trích hay, giàu giá trị nhân văn trong truyện Kiều. Người đọc không khỏi xúc động và cảm phục sự khéo léo, sự chân thành trong từng câu nói, từng cử chỉ dành cho Thúy Vân. Mở đầu đoạn trích, đại thi hào Nguyễn Du viết:

(10) “*Cậy em, em có chịu lời.*

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”

Đoạn trích mở đầu cho chuỗi bi kịch của nàng Kiều - phận hồng nhan bạc mệnh. Nỗi đau tinh thần lớn nhất của Thúy Kiều chính là bội ước với Kim Trọng. Trong hoàn cảnh này, nàng buộc mình trao duyên lại cho Thúy Vân. Thúy Kiều chủ động mở lời nhờ Thúy Vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng. Hành động của Thúy Kiều dù nhỏ nhưng lại làm nổi bật một nhân cách lớn. Nàng “quỳ lạy” Thúy Vân với mong muốn nhờ cậy, cầu xin. Tư thế của nàng không phải sự hạ thấp mình mà cho thấy tấm lòng, sự trân trọng của nàng đối với Thúy Vân và đối với việc nàng muốn nhờ cậy.

Một câu thơ khác trong tác phẩm gợi tả người anh hùng Từ Hải:

(11) *Chết đứng như Từ Hải*

Thông thường, cái chết gắn với tư thế “nằm”. Ở đây, tư thế của Từ Hải thật đặc biệt *chết đứng*. Đây là tư thế biểu thị sự hiên ngang, bất khuất của một người anh hùng “đầu đội trời, chân đạp đất”, khác hẳn với tư thế của kẻ tiểu nhân. Như vậy, chỉ trong một tác phẩm, thông qua tư thế của nhân vật được tạo lập, tác giả có thể vẽ nên tính cách nhân vật rất rõ ràng, đậm nét.

Trong văn học hiện đại, nhiều tác giả cũng lựa chọn việc miêu tả tư thế như là một trong những phương tiện để khắc họa tính cách nhân vật. Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã xây dựng hình ảnh nhân vật người đàn bà hàng chài dưới nhiều góc nhìn. Ở tòa án huyện, người đàn bà hàng chài đã có cuộc trò chuyện với Phùng và Đầu:

(12) “*Cũng không phải là lần đầu đến một nơi công sở nhưng người đàn bà vẫn có vẻ sợ sệt, lúng túng - cái vẻ lúng túng, sợ sệt mà ngay lúc mục **đứng** giữa bãi xe tăng cũng không hề thấy có.*

*Người đàn bà chỉ quen sống giữa mặt nước vừa đặt chân vào trong phòng đầy bàn ghế và giấy má liền tìm đến một góc tường để **ngồi**.*

Ngồi sau một chiếc bàn lớn, Đầu nhòm dậy chỉ chiếc ghế mây trước mặt, cố làm ra vẻ thân mật:

*- Chị **ngồi** lên đây, sao lại thế, hãy **ngồi** lên chiếc ghế này...*

*Đầu phải nói đến lượt thứ hai, mục mới dám rón rén đến **ngồi ghé vào mép** chiếc ghế và cố thu người lại.*

[Nguyễn Minh Châu (2012), Nguyễn Minh Châu tuyển tập, tr.189]

Dưới con mắt và sự lí giải của tác giả trong đoạn trích trên, người đọc có thể nhận thấy sự *lúng túng, sợ sệt* của người đàn bà làng chài ở tòa án huyện, mặc dù đây không phải là lần đầu người phụ nữ ấy đến đây. Vốn là người dân chất phác, thật thà, quanh năm chỉ lo làm ăn, chăm sóc chồng con, việc người đàn bà đến tòa án gặp Đầu mang theo trong mình tâm lí lo lắng, sợ sệt. Quan sát tư thế *ngồi* của người đàn bà hàng chài ngay khi bước vào phòng *liền tìm đến một góc tường để ngồi* dường như để trốn tránh hay biểu lộ sự e ngại. Sau khi được Đầu mời *ngồi vào ghế mây*, “*mục mới dám rón rén đến **ngồi ghé vào mép** chiếc ghế và cố thu người lại*”, một tư thế không thoải mái, biểu lộ sự khúm núm, rụt rè, có ý đề phòng. Tư thế đã làm nổi bật lên hình ảnh người phụ nữ lam lũ, vốn thất học, không dám đương đầu, muốn trốn tránh việc ly hôn người chồng “vũ phu” khi mà chánh án Đầu muốn đề cập đến. Như vậy, thông qua tư thế của mỗi người, chúng ta có thể “đọc” được một phần nào đó tính cách của họ.

Thứ hai, quan niệm tư thế biểu hiện tính cách con người còn thể hiện trong suy nghĩ, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày.

Không ít người Việt suy nghĩ *nằm là lười biếng*. Ở tư thế nằm, con người thường trong trạng thái nghỉ ngơi. Tuy nhiên, tư thế *nằm* của một người được thực hiện nhiều lần và trong một thời gian dài, người ta đặt ra câu hỏi “Phải chăng chủ thể của tư thế không muốn làm việc, không muốn vận động?” Cụm từ *nằm cả ngày, nằm dài* diễn tả một tư thế biểu lộ sự lười biếng.

Ca dao có câu:

(13) “*Giàu đâu những kẻ ngủ trưa.*

Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày.”

Tương tự, trong bài ca dao sau:

(14) “*Cái cò lặn lội bờ ao
 Hỡi cô yếm đào lấy chú tôi chăng?
 Chú tôi hay tửu hay tăm
 Hay nước chè đặc hay **nằm** ngủ trưa
 Ngày thì ước những ngày mưa
 Đêm thì ước những đêm thừa trống canh.*”

(Ca dao)

Bài ca dao châm biếm nhẹ nhàng, dí dỏm hình ảnh người *chú*. Bên cạnh những việc làm như *hay tửu, hay nước chè đặc*, hình ảnh người *chú* được khắc hoạ thêm chi tiết *hay nằm ngủ trưa*. Ngủ ngày, nằm nhiều vốn trở thành một trong những yếu tố biểu lộ sự đánh giá khách quan với tính cách mỗi người. Nhân dân ta quen với hình ảnh người nông dân chân lấm tay bùn, lao động vất vả từ sáng đến tối, do đó, những hình ảnh, tư thế nằm ngủ an nhàn, không lao động luôn gợi suy nghĩ về một người lười biếng.

Bên cạnh đó, trong kho tàng ca dao, theo nghiên cứu và quan sát của chúng tôi, miêu tả tư thế con người còn bộc lộ tâm trạng, suy nghĩ của con người tương ứng với những tư thế được thiết lập. Chẳng hạn:

(15) “*Đêm **nằm** lưng chẳng tới giường
 Chờ cho mau sáng ra đường gặp em.*” (Ca dao)

Cụm từ *nằm chẳng tới giường* biểu lộ một tư thế đặc biệt của chủ thể. Chủ thể tồn tại trong trạng thái nghỉ ngơi. Thông thường, tư thế “*nằm*” luôn có sự tiếp giáp của lưng và mặt phẳng giường. Tuy nhiên, từ phủ định “*chẳng*” phủ nhận một tư thế ổn định của chủ thể. Tư thế này luôn có sự vận động thay đổi vì một lí do *Chờ cho mau sáng ra đường gặp em*. Như vậy, thông qua tư thế này, người đọc còn cảm nhận được tâm trạng bồn chồn, sự ngóng trông, chờ đợi, mong muốn được gặp *em* của chủ thể trữ tình.

Trong công việc, dân gian ta cũng sử dụng các từ chỉ tư thế để nói về tính chất của sự lao động hay tính chất của nghề nghiệp: (16) “*Nuôi lợn ăn cơm **nằm**, nuôi tằm ăn cơm **đứng***” hay câu: (17) “*Làm ruộng ăn cơm **nằm**, nuôi tằm ăn cơm **đứng***.” Hai câu tục ngữ này nói lên sự vất vả của nghề nuôi tằm, trái ngược lại với sự nhàn hạ của việc nuôi lợn hay làm ruộng. Trong câu tục ngữ, hai tư thế *nằm* và *quỳ* được đặt trong trạng thái đối nghịch nhau. Như vậy, trong suy nghĩ của người Việt, tư thế *đứng* biểu trưng cho sự lao động, cho quá trình làm việc. Ngược lại, *nằm* biểu trưng cho quá trình nghỉ ngơi. Ngoài ra, tư thế *ngồi* tạo sự liên tưởng đến nghỉ ngơi, không làm việc, lao động, có phần nhàn nhã, hưởng thụ. Điều đó được thể hiện qua một số câu thành ngữ, tục ngữ như : (18) *Ngồi mát ăn bát vàng*; (19) *Ăn trên **ngồi** tróc*, (20) *Ăn trông nồi, **ngồi** trông hương*,...

Như vậy, có thể nhận thấy rằng, tư thế là một trong những phương tiện biểu đạt về tính cách con người, về đặc trưng văn hóa và lối tư duy ngôn ngữ của cộng đồng. Hơn nữa, tư thế không chỉ giúp xác định vị trí của một người trong không gian vật lý mà còn phản ánh vị trí xã hội và văn hóa của họ. Cách tư thế được điều chỉnh và sử dụng không chỉ để tương tác với môi trường xung quanh mà còn để thể hiện những giá trị, chuẩn mực của cộng đồng trong bối cảnh rộng lớn hơn.

3. Kết luận

Các từ chỉ tư thế (*đứng, nằm, ngồi, quỳ*) trong tiếng Việt không chỉ mang một nét nghĩa đơn thuần chỉ trạng thái tĩnh tại của con người mà còn thể hiện được sự vận động trong quá trình sử dụng. Quá trình vận động đó được thể hiện thông qua mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ và văn hóa, lối tư duy của cộng đồng nói chung. Bài viết khái quát một số đặc trưng cơ bản về tri nhận của con người về tư thế: tư thế con người là phương tiện định vị không gian; tư thế biểu hiện đặc trưng văn hóa và tư thế biểu hiện tính cách con người. Đây vẫn là một vấn đề mở trong nghiên cứu về nhóm từ chỉ tư thế trong tiếng Việt và sự tri nhận về tư thế con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục.
2. Hoàng Phê (chủ biên) (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
3. Trần Ngọc Thêm (2015), Từ “ngồi” đến “đi” hay từ “ổn định” đến “biến động” trong hệ giá trị văn hoá Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Việt Nam học: Những phương diện văn hóa truyền thống” 8-9/8/2015 tại Hà Nội; Nxb Khoa học xã hội. tr.1183-1190).
4. Nguyễn Thị Quy (1995), *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*, Nxb KHXH.

TƯ LIỆU KHẢO SÁT

1. Nguyễn Nhật Ánh (2013), *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* (truyện ngắn), Nxb Trẻ.
2. Nguyễn Nhật Ánh (2015), *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* (truyện dài), Nxb Trẻ.
3. Nguyễn Du (1965), *Truyện Kiều*, Nxb Văn học.
4. Dương Phong (tuyển chọn) (2012), *Thạch Lam tuyển tập*, Nxb Văn học.
5. Nguyễn Minh Châu (2012), *Nguyễn Minh Châu tuyển tập*, Nxb Văn học.

**Reflections on Vietnamese cognition of postures
(Based on the lexical group: *stand, sit, lie, kneel*)**

Abstract: Language and culture are closely interconnected. Through our study of posture-related lexicon in Vietnamese (stand, lie, sit, kneel), we observe that language reflects cultural traits, ways of thinking, and perceptions of human postures in Vietnamese society. This article provides several observations on Vietnamese cognition of postures (stand, sit, lie, kneel), the relationship between posture and spatial perception, and its connection to the cultural characteristics of the Vietnamese people. The research aims to offer a more comprehensive and holistic view of the posture-related lexicon and its correlation with cultural practices and linguistic cognitive habits within the Vietnamese community.

Key words: stand; sit; lie; kneel; Vietnamese cognition; positional words in Vietnamese.